TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-ST.
Ngày: 22-4-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Nhậm.

2. Bà Mai Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành *tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Thanh T, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2002 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: Tổ 14, Khu 13, xã LĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Phụ xe; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh T1 (đã chết) và bà Lê Hồng H; Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà Lê Hồng Hoa, sinh năm 1977.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoa:

+ Chị Trần Thị Thu T2, sinh năm 2000 (có mặt).

+ Anh Trần Tấn K, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 14, Khu 13, xã LĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1975.

Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung T Trợ giúp pháp lý Nhà nước – Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Đăng K2, sinh ngày 13/12/2005 (có mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

+ Ông Nguyễn Võ Duy K1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Tây N, sinh năm 1978 (có mặt).

Cùng địa chỉ: 114, Tổ 4, Khu 13, xã LĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Trần Hữu T1, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: Ấp 11, xã BS, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ: Ấp 4, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 16 giờ ngày 08/12/2019, Trần Thanh T đến Trung T Văn hóa xã LĐ, thuộc khu 13, xã LĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai để chơi bóng chuyền. Sau khi chơi bóng được khoảng 30 phút thì T nghỉ đi ra ngoài. Lúc này, T nhìn thấy một điện thoại di động hiệu Oppo F11, màu đen của anh Nguyễn Đăng K2 để trên giỏ xe của chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Dream nên T nảy sinh ý định trộm chiếc điện thoại trên. T đi đến ngồi lên chiếc xe mô tô, thấy mọi người không để ý T lấy chiếc điện thoại giấu vào túi quần rồi đi ra cổng của Trung T văn hóa và nhờ bạn là Đặng Hoàng Phúc chở T về. Đến tối cùng ngày, T mang chiếc điện thoại trên đến tiệm cầm đồ "T1" do Trần Hữu T1 làm chủ, tại ấp 4, xã TA, huyện LT cầm với giá 2.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên T sử dụng cho việc tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 05/KL.ĐGTSTT ngày 06/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 ĐTDĐ hiệu OPPO F11, màu đen, có giá trị 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Vật chứng vụ án và tài sản tạm giữ: 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Asus màu đen, bị vỡ màn hình, số tiền 2.000.000 đồng T nộp trả lại cho anh Trần Hữu T1.

Về xử lý vật chứng, tài sản bị tạm giữ:

- 01 điện thoại di động Oppo F11, màu đen là vật chứng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho chủ sở hữu anh Nguyễn Đăng K2.

- 01 điện thoại di động hiệu Asus màu đen, bị vỡ màn hình thu giữ của bị cáo T không sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo T nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trả lại cho anh Trần Hữu T1.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKSLT ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Trần Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 và 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 04 (bốn) tháng đến 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Đăng K2 đã nhận lại tài sản, anh K1 và người đại diện hợp pháp của anh K1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với anh Trần Hữu T1 là người nhận cầm cố điện thoại do T trộm cắp nhưng anh Thông không biết điện thoại do T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không khởi tố.

- Ý kiến của bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại: Bị hại anh Nguyễn Đăng K2 và người đại diện hợp pháp của anh K1 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị hại anh K1 và người đại diện hợp pháp của anh K1 là bà Nguyễn Thị Tây Nguyên có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành truy tố bị cáo T về tội trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại và người đại diện hợp pháp xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 65, 90, 91 và 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét áp dụng hình phạt và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh T khai nhận: Lúc 16 giờ 30 phút ngày 08/12/2019 tại Trung tâm Văn hóa xã Long Đức thuộc khu 13, xã LĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai, Trần Thanh T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11, màu đen có giá trị 3.000.000 đồng của anh Nguyễn Đăng K2. Đã có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Thanh T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp

đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có tư tưởng hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy khi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, khả năng nhận thức còn hạn chế nên xem xét áp dụng các Điều 90, 91, 101 và 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Đăng K2 đã nhận lại tài sản, anh K1 và người đại diện hợp pháp của anh K1 không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Đối với anh Trần Hữu T1 là người nhận cầm cố điện thoại do T trộm cắp nhưng anh Thông không biết điện thoại do T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành không khởi tố là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 90, 91, 101 và 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án ngày 22/4/2020.

Giao bị cáo Trần Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thanh T, bà Lê Hồng H (người đại diện hợp pháp của bị cáo), bà Hoàng Thị L (người bào chữa cho bị cáo), bị hại anh Nguyễn Đăng K2, bà Nguyễn Thị Tây N (người đại diện hợp pháp của bị hại), anh Trần Hữu T1 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Võ Duy K2 (người đại diện hợp pháp của bị hại) vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thanh Liêm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Văn Nhậm	**Mai Thị Huệ**	**Huỳnh Thanh Liêm**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ba **Lê Thị Ánh Sáng** **Huỳnh Thanh Liêm**